

Số: 22 /BC-VP

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

**Tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024
của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
(Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)**

Thực hiện Công văn số 745/UBND-TCĐ ngày 24/02/2025 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 29/QĐ-TTCT ngày 13/02/2025 của Tổng Thanh tra Chính phủ và phân công nhiệm vụ đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024.

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh báo cáo tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024, như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (Văn phòng) là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và Đại biểu HĐND tỉnh. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng đoàn HĐND tỉnh, Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Cơ quan Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh với cơ cấu tổ chức gồm: Chánh Văn phòng, 03 Phó Chánh Văn phòng và 03 phòng chuyên môn, gồm: Phòng công tác Quốc hội, phòng công tác HĐND và phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị. Tổng số biên chế hành chính được giao năm 2024 là 22 biên chế và nhân viên hợp đồng lao động theo quy định.

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN; việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN:

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo:

- Lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh thường xuyên lồng ghép tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức và người lao động cơ quan nội dung: Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số

59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị Quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị Quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Quy định về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; Quy định số 31-QĐ/TU ngày 21/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quy định về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy trong kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; Quy định số 178-QĐ/TW, ngày 27/6/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Kế hoạch số 332-KH/TU ngày 09/8/2024 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về tuyên truyền, quán triệt sâu rộng tác phẩm "Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh" của Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng; Công văn số 6078-CV/TU ngày 12/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chuyên đề năm 2024 "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; Chỉ thị số 56-CT/TU ngày 29/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm giải quyết công việc trong hệ thống chính trị tỉnh; Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Kế hoạch số 600/KH-UBND ngày 12/02/2024 của UBND tỉnh về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong

giải quyết công việc; Công văn số 5152/UBND-TCD ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh về tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024; Kế hoạch số 5335/KH-UBND ngày 13/11/2024 của UBND tỉnh về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 99-KH/TU, ngày 14/01/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Tham mưu Đảng đoàn HĐND tỉnh ban hành Kế hoạch số 460-KH/ĐĐHĐND ngày 09/4/2024 của Đảng đoàn HĐND tỉnh về thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Kế hoạch số 458-KH/ĐĐHĐND ngày 09/4/2024 của Đảng đoàn HĐND tỉnh về thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán.

- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đã ban hành: Kế hoạch số 08/KH-VP ngày 19/01/2024 về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024; Quyết định số 01/QĐ-VP ngày 09/01/2024 về việc kiện toàn Tổ Kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Kế hoạch số 17/KH-VP ngày 23/02/2024 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Kế hoạch số 26/KH-VP ngày 08/5/2024 về kế hoạch tự kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024; Kế hoạch số 27/KH-VP ngày 08/5/2024 về Kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức năm 2024; Kế hoạch số 28/KH-VP ngày 24/5/2024 về kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024; Kế hoạch số 37/KH-VP ngày 04/10/2024 về kế hoạch thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích năm 2024.

b) Đánh giá về tổ chức thực hiện:

- Năm 2024, công tác phòng, chống tham nhũng tại cơ quan Văn phòng luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Đảng đoàn HĐND tỉnh, Đảng ủy Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, trên cơ sở bám sát Công văn số 422-CV/ĐĐHĐND ngày 10/01/2024 của Đảng đoàn HĐND tỉnh về triển khai thực hiện công tác tự kiểm tra, thanh tra về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024 và những năm tiếp theo nội dung Công văn số 73-CV/BCĐ ngày 03/01/2024 của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh; các văn bản chỉ đạo của Đảng đoàn HĐND tỉnh, Đảng ủy Văn phòng (Kế hoạch số 02-KH/ĐB ngày 05/01/2024 về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp năm 2024) và kế hoạch phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024 của UBND tỉnh, qua đó lãnh đạo Văn phòng đã triển khai đạt kết quả, hiệu quả.

- Lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo chủ động tham mưu, phục vụ tốt Đoàn ĐBQH tỉnh dự 04 kỳ họp bất thường (lần thứ 5, 6, 7, 8) và 02 kỳ họp thường lệ (kỳ họp thứ 7, 8) Quốc hội khoá XV. Tổ chức, phục vụ lấy ý kiến Luật và báo cáo tổng hợp 21 dự án Luật trình tại kỳ họp thứ 7 và báo cáo tổng hợp 27 dự án Luật trình tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XV. Tham mưu HĐND, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức phục vụ tốt 07 kỳ họp (02 kỳ họp thường lệ và 06 kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất), đã thông qua 96 nghị quyết¹ tạo cơ sở pháp lý để chính quyền địa phương các cấp triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tham mưu tổ chức phục vụ 16 phiên họp thường kỳ của Thường trực HĐND tỉnh; 03 hội nghị: (1) Hội nghị sơ kết hoạt động của HĐND tỉnh Ninh Thuận giữa nhiệm kỳ 2021-2026; (2) Hội nghị công tác HĐND các cấp năm 2024; (3) Hội nghị bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động đại biểu HĐND các cấp tỉnh Ninh Thuận năm 2024; các phiên họp của Đảng Đoàn HĐND tỉnh; khảo sát, làm việc với Thường trực HĐND các huyện, thành phố năm 2024.

- Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch tự kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024; người đứng đầu cơ quan luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm tích cực chỉ đạo thực hiện tốt công tác PCTN, công khai, minh bạch trong hoạt động, minh bạch tài chính, tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức; thường xuyên quan tâm chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, triển khai đồng bộ, quyết liệt có hiệu quả

¹ Kỳ họp thứ 16: 07 nghị quyết; Kỳ họp thứ 17: 06 nghị quyết; kỳ họp thứ 18: 13 nghị quyết; kỳ họp thứ 19: 18 nghị quyết; kỳ họp thứ 20: 12 nghị quyết; kỳ họp thứ 21: 11 nghị quyết; kỳ họp thứ 22: 29 nghị quyết

các giải pháp ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực do đó năm 2024 cơ quan Văn phòng chưa xảy ra tham nhũng, tiêu cực.

Nhìn chung, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đã làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN; cán bộ, công chức và người lao động cơ quan đã tự giác xây dựng kế hoạch học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, cam kết trách nhiệm nêu gương, tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên, công chức nhất là người đứng đầu trên các lĩnh vực, bộ phận công tác; giữ vững lập trường tư tưởng chính trị; giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống trong sáng, lành mạnh; không có các hành vi tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan.

Tự đánh giá đạt: 20/20 điểm

2. Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng:

2.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Văn phòng đã thực hiện tốt việc công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018 quy định:

- Công khai minh bạch hoạt động tài chính, hoạt động của cơ quan hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm; Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17/01/2006 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ; bảo đảm sử dụng nguồn ngân sách được cấp đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả theo quy định.

- Về mua sắm tài sản, trang thiết bị làm việc, căn cứ kế hoạch dự toán kinh phí đầu năm của cơ quan được duyệt, Văn phòng lập kế hoạch và xin chủ trương của lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến chỉ đạo, trên cơ sở đó Văn phòng phối hợp Sở Tài chính triển khai đúng quy định của pháp luật.

- Kết quả cải cách hành chính: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đã thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ về: cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công, xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, với kết quả cải cách hành chính năm 2024 đạt 107,021 điểm (xếp loại tốt) qua đó góp phần hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH, đại biểu Quốc hội và HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh theo chương trình kế hoạch đề ra.

- Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt: 100% lương, phụ cấp, thu nhập tăng thêm của cán bộ, công chức và người lao động cơ quan được Văn phòng chi trả thông qua các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn: thực hiện kết quả Hội nghị cán bộ, công chức năm 2024, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đã ban hành và tổ chức thực hiện tốt nội dung Quyết định số 05/QĐ-VP ngày 25/01/2024 về Quy chế chi tiêu nội bộ của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; đảm bảo phù hợp với nội dung Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước; Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước.

- Kết quả thực hiện kiểm sát xung đột lợi ích: Ngày 04/10/2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh ban hành Kế hoạch số 37/KH-VP về triển khai thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích năm 2024. Qua đó nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan và Trưởng các phòng trực thuộc trong công tác kiểm soát xung đột lợi ích; chủ động tự tổ chức kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý các trường hợp có dấu hiệu, nguy cơ về xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan do mình trực tiếp lãnh đạo, quản lý theo quy định tại Điều 23 Luật PCTN và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP; Nghị định 134/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức: Năm 2024, cơ quan thực hiện tốt công tác tuyên truyền theo tinh thần nội dung Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP; theo đó, Văn phòng đã ban hành kế hoạch định kỳ

chuyển đổi vị trí công tác năm 2024 (Kế hoạch số 27/KH-VP ngày 08/5/2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh).

- Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử:

Văn phòng tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, chấp hành quy định giờ giấc làm việc, tinh thần, thái độ phục vụ, quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, người lao động tại cơ quan; quán triệt đến công chức và người lao động cơ quan nội dung Chỉ thị 35/CT-TTg ngày 17/9/2024 về xử lý cán bộ, công chức, viên chức và chiến sỹ trong lực lượng vũ trang vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn; không hợp tác với lực lượng chức năng trong xử lý vi phạm; ban hành Quyết định số 57/QĐ-VP ngày 29/10/2024 về ban hành quy chế văn hóa công vụ, Quyết định số 60/QĐ-VP ngày 31/10/2024 về ban hành Quy chế dân chủ của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; qua đó, góp phần nâng cao nhận thức về tinh thần, thái độ làm việc, giao tiếp, ứng xử, dân chủ ở cơ sở của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập: Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 41/KH-VP ngày 13/12/2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh về thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2024; qua đó, Văn phòng thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập đối với 16 cá nhân theo đúng quy định (Báo cáo số 156/BC-VP ngày 31/12/2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh).

- Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc: Văn phòng đã tổ chức thực hiện tốt nội dung Kế hoạch số 17/KH-VP ngày 23/02/2024 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; năm 2024, cơ quan không có đơn thư phản ánh khiếu nại, tố cáo; không có cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý trực tiếp có hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà đối với người dân, doanh nghiệp.

Tự đánh giá đạt: 27/27 điểm

2.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức, khu vực ngoài nhà nước: Không thuộc chức năng, nhiệm vụ.

Tự đánh giá đạt 3/3 điểm.

3. Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng:

3.1 Đánh giá việc phát hiện hành vi tham nhũng

- Tổ chức quán triệt thực hiện tốt Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 và quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị: Thông qua các cuộc họp giao ban tuần, tháng và các cuộc họp sơ tổng kết có liên quan của Đoàn ĐBQH tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và Văn phòng trong năm 2024 để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, nâng cao trách nhiệm cá nhân của cán bộ lãnh đạo, phát hiện hành vi tham nhũng; tại các cuộc họp đã lắng nghe, giải quyết kịp thời những vướng mắc, kiến nghị của cán bộ, công chức, từ đó thực hiện nhiệm vụ ngày càng tốt hơn. Ngoài ra lãnh đạo Văn phòng chỉ đạo, điều hành, đôn đốc mọi hoạt động cơ quan trên tinh thần chủ động, sáng tạo, chịu trách nhiệm. Do đó, tạo sự thống nhất, dân chủ, đoàn kết trong cơ quan, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cơ quan đã tăng cường giám sát các hoạt động về quản lý tài chính, thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ, công chức và người lao động cơ quan; qua đánh giá hoạt động của cơ quan đảm bảo công khai, minh bạch chặt chẽ, đúng quy định pháp luật (Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân ngày 18/12/2024).

Nhìn chung, trong năm 2024, cơ quan không xảy ra tham nhũng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc phòng, chống tham nhũng, thường xuyên quan tâm sâu sát, ngăn ngừa không để xảy ra.

Tự đánh giá đạt 12/12 điểm.

3.2 Đánh giá xử lý tham nhũng:

Trong năm 2024, cơ quan không xảy ra tham nhũng phải xử lý, nên đến nay xử lý tham nhũng: Chưa phát sinh (Báo cáo số 132/BC-VP ngày 08/11/2024 về kết quả tự kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024).

Tự đánh giá đạt 20/20 điểm.

3.3. Đánh giá kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN

Qua tự kiểm tra việc công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan và các nội dung khác có liên quan theo quy định; đến nay cơ quan chưa phát sinh hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN.

Tự đánh giá đạt 8/8 điểm.

4. Đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng:

4.1 Đánh giá thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh: Chưa phát sinh

Tự đánh giá đạt 5/5 điểm.

4.2 Đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án: Chưa phát sinh

Tự đánh giá đạt 5/5 điểm.

5. Điểm tự đánh giá công tác PCTN năm 2024:

Căn cứ Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 và tài liệu hướng dẫn do Thanh tra Chính phủ ban hành, UBND tỉnh triển khai tại Công văn số 745/UBND-TCĐ ngày 24/02/2025 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 29/QĐ-TTCT ngày 13/02/2025 của Tổng Thanh tra Chính phủ và phân công nhiệm vụ đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024.

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tự chấm điểm đạt: 100/100 điểm

III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ QUAN VỀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCTN NĂM 2024

Năm 2024, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Đảng đoàn HĐND tỉnh, lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh; Thường trực HĐND tỉnh và Đảng ủy Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo tổ chức quán triệt triển khai nghiêm túc, kịp thời, đầy đủ các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện đạt kết quả, hiệu quả, thực hiện tốt các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; công khai, minh bạch trong hoạt động tài chính, kê khai tài sản thu nhập của cán bộ, công chức; thực hiện tốt công tác tổ chức bộ máy, quy hoạch, đào tạo, thi đua khen thưởng; cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.

Phát huy tốt vai trò trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu các lĩnh vực,

bộ phận, thể hiện: thường xuyên đôn đốc và trực tiếp chỉ đạo công chức và người lao động chủ động tham mưu đề xuất, tổ chức phục vụ tốt nhiệm vụ công tác trọng tâm của Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh, Thường trực, các Ban của HĐND tỉnh đạt kết quả. Đồng thời thực hiện tốt nội quy, quy chế làm việc của cơ quan; cán bộ, công chức cơ quan làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, tiên phong, gương mẫu thực hiện nghiêm quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính và sử dụng hiệu quả ngày, giờ làm việc để giải quyết công việc được giao có chất lượng và hiệu quả; nội bộ đoàn kết, qua tự kiểm tra từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024 cơ quan không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, không có biểu hiện tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI

1. Tăng cường công tác quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại cơ quan, đơn vị theo quy định tại luật phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành pháp luật phòng, chống tham nhũng và các văn bản mới của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kết luận 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và Kết luận 21-KL/TW về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ”; Quy định số 37-QĐ ngày 25/10/2021 của BCH Trung ương về những điều đảng viên không được làm; Kết luận số 536-KL/TU ngày 06/12/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và định hướng sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/2/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư ngày 28/2/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; chuẩn bị công tác đại hội chi, Đảng bộ hướng tới đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

3. Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu

cực; chú trọng các giải pháp công khai, minh bạch hoạt động cơ quan theo nội dung Công văn số 1914/UBND-TCĐNC ngày 28/5/2020 về việc công khai minh bạch trong công tác PCTN, Điều 10 của Luật PCTN 2018; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xây dựng ban hành và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch phòng, chống tham nhũng năm 2025 theo quy định.

4. Chủ động tham mưu, phục vụ tốt nhiệm vụ công tác trọng tâm của Đoàn ĐBQH tỉnh; Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh theo chương trình, kế hoạch đạt kết quả, hiệu quả.

5. Làm tốt công tác kiểm tra, giám sát và tự kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi tham nhũng, tiêu cực.

6. Tham mưu, phục vụ tốt công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và phản ánh của công dân theo quy định của pháp luật.

7. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác dân vận chính quyền; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của người đứng đầu, vai trò giám sát của Ban Thanh tra nhân dân cơ quan.

8. Thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo định kỳ của Văn phòng về Phòng chống, tham nhũng, tiêu cực đầy đủ, đúng thời gian quy định.

(Đính kèm: Phụ lục 1, 3,4, 5 và đường link điện tử được liệt kê trực tiếp vào phụ lục)

Trên đây là báo cáo tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh; (b/cáo)
- BTV Đảng bộ HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Các phòng trực thuộc VP;
- Trang tin điện tử của HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.



Lê Tiến Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 745 /UBND-TCĐ
V/v triển khai Quyết định số
29/QĐ-TTTP ngày 13/02/2025 của
Tổng Thanh tra Chính phủ và phân
công nhiệm vụ đánh giá công tác
PCTN cấp tỉnh năm 2024.

Ninh Thuận, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Công an tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Tư pháp cấp tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Ninh Thuận;
- Các Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc tỉnh;
- Các Hiệp hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.

Thực hiện Quyết định số 29/QĐ-TTTP ngày 13/02/2025 của Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Bộ Chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) cấp tỉnh năm 2024; Kế hoạch số 6110/KH-UBND ngày 26/12/2024 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024;

Xét đề nghị của Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 25/TTT-TTr ngày 20/02/2025; Chủ tịch UBND tỉnh giao các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì, phối hợp tự đánh giá công tác PCTN năm 2024 theo Quyết định số 29/QĐ-TTTP ngày 13/02/2025 của Tổng Thanh tra Chính phủ, với các nội dung cụ thể như sau:

I. Một số nguyên tắc chung trong việc đánh giá công tác PCTN năm 2024:

1. Mục đích:

a) Đánh giá chính xác, khách quan, trung thực kết quả thực hiện công tác PCTN của các Sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh và các cơ quan có liên quan trong năm 2024.

b) Nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, nhất là vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng, chỉ đạo triển khai công tác đánh giá và báo cáo đánh giá PCTN trong năm qua.

2. Phạm vi:

a) Phạm vi đánh giá là công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 bao gồm: Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN; việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN; kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng của UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh.

b) Thời kỳ đánh giá: **Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.**

3. Nội dung tiêu chí đánh giá:

Đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 gồm 05 nội dung và thang điểm **100**, như sau:

a) Phần A: Tiêu chí đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN: **20 điểm.**

b) Phần B: Tiêu chí đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng: **30 điểm.**

c) Phần C: Tiêu chí đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng: **40 điểm.**

d) Phần D: Tiêu chí đánh giá việc thu hồi tiền, tài sản tham nhũng: **10 điểm.**

đ) Phần Đ: Trừ điểm công tác PCTN năm 2024: **- 10 điểm.**

4. Lập Báo cáo và đánh giá Bộ Chỉ số:

Báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2024 được xây dựng theo đề cương báo cáo tự đánh giá kèm theo các phụ lục tổng hợp và danh mục tài liệu, số liệu chứng minh theo biểu mẫu quy định tại Quyết định số 29/QĐ-TTCP ngày 13/02/2025 của Tổng Thanh tra Chính phủ (*đính kèm 05 Phụ lục*).

5. Nguyên tắc đánh giá:

Việc đánh giá phải khách quan, toàn diện, trung thực, công khai, minh bạch; căn cứ vào Bộ Chỉ số và tài liệu chứng minh về công tác PCTN của các Sở, Ban, ngành, địa phương, các Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) trực thuộc tỉnh, các Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước và các cơ quan có liên quan trên toàn tỉnh.

6. Phương pháp tổ chức đánh giá:

a) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Nội chính Tỉnh ủy; Công an tỉnh; các cơ quan Tư pháp cấp tỉnh và các Sở, Ban, ngành, địa phương; các Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc tỉnh và các cơ quan có liên quan:

- Thu thập tài liệu, tổng hợp số liệu làm bằng chứng, lập hồ sơ tự đánh giá.

- Thuyết minh chi tiết kết quả tự tính điểm từng tiêu chí đánh giá công tác PCTN của đơn vị mình trong năm 2024 theo hướng dẫn tại Phụ lục 01 - Phương pháp tính điểm Bộ Chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024.

- Xây dựng Báo cáo tự đánh giá theo Đề cương báo cáo tại Phụ lục 02.

- Tổng hợp điểm tự đánh giá công tác PCTN theo Bảng tổng hợp điểm tự đánh giá tại Phụ lục 03.

- Tổng hợp danh mục tài liệu, số liệu minh chứng của đơn vị mình tại Phụ lục số 04.

- Từng cơ quan, đơn vị cập nhật tài liệu, số liệu minh chứng của cơ quan, đơn vị mình theo Danh mục tài liệu, số liệu minh chứng theo Bộ Chỉ số đánh giá công tác PCTN năm 2024 tại Phụ lục 05.

- Gửi Báo cáo kết quả tự đánh giá và hồ sơ tự đánh giá công tác PCTN năm 2024 về UBND tỉnh (qua Thanh tra tỉnh) **chậm nhất ngày 10/3/2025**.

- Phối hợp với Thanh tra tỉnh giải trình, cung cấp tài liệu để làm rõ theo yêu cầu của Thanh tra Chính phủ và Tổ đánh giá trong quá trình rà soát, đánh giá việc tự đánh giá công tác PCTN năm 2024 của đơn vị mình.

- Lưu ý:

+ Các tài liệu chứng minh phải đầy đủ 02 loại: 1- Chứng minh bằng đường link điện tử được liệt kê trực tiếp vào các phụ lục yêu cầu kèm theo; 2- Chứng minh bằng file PDF và mở các Folder liên kết chứa đựng file PDF theo từng chỉ số thành phần, *đây là loại tài liệu chứng minh quan trọng để đạt điểm cao, các cơ quan, đơn vị lưu ý thực hiện theo hướng dẫn trực tiếp của Thanh tra tỉnh và theo chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ*; trừ các cơ quan tư pháp cấp tỉnh, Công an tỉnh tài liệu chứng minh bằng file PDF.

+ Các tài liệu minh chứng gồm: Công khai 19 lĩnh vực theo quy định và đặc biệt phải công khai, minh bạch đầy đủ các lĩnh vực theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN năm 2018 phải được đăng trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương (*trừ văn bản mật*).

b) Giao Thanh tra tỉnh chủ trì:

- Hướng dẫn và hỗ trợ các Sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan về công tác tự đánh giá công tác PCTN năm 2024 theo Bộ Chỉ số được Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành; phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương, Tổ đánh giá trong quá trình rà soát, đánh giá việc tự đánh giá công tác PCTN năm 2024 của các cơ quan, đơn vị.

- Tham mưu xây dựng Báo cáo kết quả đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 trình UBND tỉnh xem xét, ký ban hành báo cáo gửi Thanh tra Chính phủ **trước ngày 30/4/2025**.

II. Phân công nhiệm vụ chủ trì, phối hợp đánh giá các tiêu chí như sau:

A. Tiêu chí đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN:

A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN: *Giao Thanh tra tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số này; Văn phòng UBND tỉnh phối hợp thực hiện.*

Riêng A.1.1.5 triển khai thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác xây dựng pháp luật; Văn bản số 5779/VPCP-PL ngày 14/8/2024 của Văn phòng Chính phủ: *Giao*

Sở Tư pháp chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số; Văn phòng UBND tỉnh phối hợp thực hiện.

A.2. Đánh giá việc các Sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương thuộc UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh năm 2024:

A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: *Giao Sở Tư pháp chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN: *Giao Thanh tra tỉnh chủ trì, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: *Giao Sở Tư pháp chủ trì, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

A.2.4. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo quy định của Luật Tiếp công dân: *Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số; Thanh tra tỉnh phối hợp thực hiện.*

A.2.5. Tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện theo Luật Tiếp công dân: *Giao UBND các huyện, thành phố chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số này; Thanh tra tỉnh phối hợp thực hiện.*

A.2.6. Tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh theo Luật Tiếp công dân: *Giao các Sở, Ban, ngành và các cơ quan có liên quan chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số; Thanh tra tỉnh phối hợp thực hiện.*

A.2.7. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng: *Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số; Thanh tra tỉnh, Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

B. Tiêu chí đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng:

B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước:

B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN năm 2018:

- B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính: *Giao Sở Nội vụ chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

- B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn: *Giao Sở Nội vụ chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số;*

các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.

- B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức: *Giao Sở Nội vụ chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

- B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách Nhà nước: *Giao Sở Tài chính chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

- B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công: *Giao Sở Tài chính chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

- B.1.1.6. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất: *Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

B.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR năm 2024): *Giao Sở Nội vụ chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

B.1.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2024): *Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025: *Giao Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Ninh Thuận chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CĐ, TC): *Giao Sở Tài chính chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI): *Giao Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số; Thanh tra tỉnh phối hợp thực hiện.*

B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức: *Giao Sở Nội vụ chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử: *Giao Sở Nội vụ chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

B.1.9. Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN): *Giao Thanh tra tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10):

- B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 10 năm 2023: *Giao Thanh tra tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

- B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc: *Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan tổng hợp, đánh giá chỉ số; Thanh tra tỉnh phối hợp thực hiện.*

- B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị số 10: *Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan chủ trì tổng hợp, đánh giá chỉ số; Thanh tra tỉnh phối hợp thực hiện.*

B.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước tại địa phương: Bao gồm: **1-** Công ty đại chúng; **2-** Tổ chức tín dụng; **3-** Tổ chức xã hội do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh.

B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước: *Giao Thanh tra tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Hiệp hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước phối hợp thực hiện.*

B.2.2. Kết quả thực hiện pháp luật PCTN của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước: *Giao các Hiệp hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Thanh tra tỉnh phối hợp thực hiện.*

C. Tiêu chí đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng:

C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng:

C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, giám sát, thanh tra:

- Giao các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan chủ trì tổng hợp, đánh giá thực hiện công tác tự kiểm tra nội bộ.

- Giao Thanh tra tỉnh chủ trì, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, đánh giá; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện công tác thanh tra.

- Đề nghị Ban Nội chính Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo dõi, tổng hợp, đánh giá nội dung này.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì, phối hợp với Thanh tra tỉnh theo dõi, tổng hợp, đánh giá thực hiện hoạt động giám sát.

C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo: *Giao Thanh tra tỉnh chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra: *Giao Công an tỉnh chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra.*

C.2. Việc xử lý tham nhũng:

C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng:

C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng:

- Giao Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.

- Đề nghị Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo dõi, tổng hợp, đánh giá nội dung này.

C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng:

- Giao Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.

- Đề nghị Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo dõi, tổng hợp, đánh giá nội dung này.

C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng.

C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra: *Giao Công an tỉnh chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá.*

C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố: *Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá.*

C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử: *Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá.*

C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.

C.2.3.1. Hình thức khiển trách: Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm):

Giao Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.

C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo: Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù trên 03 năm đến 07 năm): *Giao Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh*

ủy, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.

C.2.3.3. Hình thức cách chức: Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình): *Giao Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN:

C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (tại Điều 81 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ):

- *Giao Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch về các thủ tục hành chính, quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn, tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

- *Giao Sở Tài chính chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch về ngân sách Nhà nước và tài sản công; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

- *Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (tại Điều 82 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ): *Giao Sở Tài chính chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (tại Điều 83 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ): *Giao Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (tại Điều 84 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ): *Giao Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan chủ trì, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Thanh tra tỉnh phối hợp thực hiện.*

C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác: *Giao Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (tại Điều 85 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ): *Giao Thanh tra tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ): *Giao Thanh tra tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ): *Giao Thanh tra tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá chỉ số; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

D. Tiêu chí đánh giá việc thu hồi tiền, tài sản tham nhũng:

D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh:

D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra:

- *Giao các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác tự kiểm tra nội bộ.*

- *Giao Thanh tra tỉnh chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thanh tra; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

- *Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì phối hợp với Thanh tra tỉnh theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giám sát.*

- *Đề nghị Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát.*

D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh:

Giao Thanh tra tỉnh chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.

D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án:

D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử:

- *Giao Công an tỉnh chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua điều tra.*

- *Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua truy tố.*

- *Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua xét xử.*

D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án:

Đề nghị Cục Thi hành án dân sự tỉnh chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án.

Đ. Trừ điểm (TĐ) công tác PCTN năm 2024

TĐ.1. Việc chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN năm 2024: *Giao Thanh tra tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

TĐ.2. Năm 2024, Tổ chức cấp tỉnh bị xử lý kỷ luật do tham nhũng, tiêu cực:

- *Giao Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

- *Đề nghị Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo dõi, tổng hợp, đánh giá nội dung này.*

TĐ.3. Năm 2024, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh bị xử lý do tham nhũng, tiêu cực:

- *Giao Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, tổng hợp, đánh giá; các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện.*

- *Đề nghị Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo dõi, tổng hợp, đánh giá nội dung này.*

III. Tổ chức thực hiện:

Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương nêu trên tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 với quyết tâm chính trị cao nhất; chỉ đạo Thành viên Tổ đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 theo Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh là công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị mình thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, chính xác các nhiệm vụ theo quy định trên. Trong đó cần lưu ý và triển khai thực hiện một số công việc sau:

1. Bộ Chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 có một số nội dung yêu cầu cụ thể, chi tiết hơn (tại các tiêu chí mục A.1.1; B.1.1; B.2.2,...) và bổ sung một số nội dung mới (điểm trừ công tác PCTN tại mục Đ,...) so với các năm trước nên cần phải chủ động đầu tư nghiên cứu sâu kỹ hơn để cập nhật, tổng hợp, thực hiện đảm bảo đúng, đủ, tránh sai sót. Ngoài việc tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, cần có biện pháp khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế, thiếu sót và rút kinh nghiệm trong công tác đánh giá từ

những năm trước (*trong đó có việc công khai đã được quy định trong các lĩnh vực chuyên ngành và Luật PCTN năm 2018,...*) đã được Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo khắc phục tại Công văn số 20/UBND-TCD ngày 03/01/2025 và Công văn số 203/UBND-TCD ngày 15/01/2025.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, Tổ đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 theo Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh tăng cường công tác phối hợp, trao đổi, chia sẻ thông tin; các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp từng chỉ số thành phần phải có báo cáo kết quả, cung cấp tài liệu chứng minh đúng nội dung, đủ tài liệu, đảm bảo thời gian theo yêu cầu; thực hiện đầy đủ nội dung theo đề cương Báo cáo kết quả tự đánh giá (*tại phụ lục 02*), gửi kèm hồ sơ tự đánh giá công tác PCTN năm 2024 theo quy định (*gồm 04 phụ lục: 1, 3, 4, 5*).

3. Tạo mục PCTN để công khai 19 lĩnh vực theo quy định trên Trang thông tin điện tử theo chức năng của mỗi cơ quan, đơn vị. Nội dung này đã được Chủ tịch UBND tỉnh triển khai tại Công văn số 1914/UBND-TCDNC ngày 28/5/2020; đặc biệt phải công khai, minh bạch đầy đủ các lĩnh vực theo quy định của Luật PCTN năm 2018.

4. Các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì, cơ quan phối hợp đặc biệt lưu ý: Cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì từng chỉ số thành phần phải chủ động nghiên cứu, có văn bản đề nghị các Sở, ngành, địa phương có liên quan báo cáo, cung cấp hồ sơ, số liệu để tổng hợp gửi về Thanh tra tỉnh đúng thời gian. Các cơ quan phối hợp có trách nhiệm nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo, cung cấp hồ sơ, thông tin, số liệu, tài liệu cho các cơ quan chủ trì để làm cơ sở cho các cơ quan chủ trì tổng hợp, báo cáo theo quy định. Việc thực hiện nhiệm vụ chủ trì, phối hợp phải nghiêm túc theo sự phân công, có trách nhiệm cao, có sự đầu tư nghiên cứu kỹ lưỡng yêu cầu của từng chỉ số thành phần được giao, tránh làm hình thức, qua loa, đại khái; việc tổng hợp, báo cáo, cung cấp hồ sơ, thông tin, số liệu, tài liệu phải đúng, đủ, kịp thời, chính xác, đúng thời gian theo yêu cầu để hoàn thành nhiệm vụ chính trị chung, mang lại điểm số cao nhất cho tỉnh.

5. Đối với một số cơ quan, đơn vị kết thúc hoạt động, một số cơ quan, đơn vị được sáp nhập, hợp nhất,... theo chủ trương, quy định hiện nay: Các cơ quan, đơn vị mới (sau khi sáp nhập, hợp nhất) có trách nhiệm tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ công việc của cơ quan, đơn vị cũ theo đúng quy định (phân công công chức thực hiện, cung cấp hồ sơ, tài liệu chứng minh,...). Thành viên Tổ đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 theo Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh phải đặc biệt lưu ý, quan tâm, tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị việc thực hiện nội dung đánh giá thuộc cơ quan cũ của mình và cung cấp hồ sơ, số liệu,... đảm bảo đúng, đủ, kịp thời, xuyên suốt và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo, đánh giá.

6. Báo cáo kết quả và tài liệu chứng minh của các cơ quan, đơn vị, địa phương phải gửi bằng 02 thể loại: 01 file PDF và 01 file word qua TDOffice. Đồng thời, file mềm và tài liệu chứng minh gửi về địa chỉ Email: Thanhtra@ninhthuan.gov.vn. Trường hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương không thực hiện nghiêm túc; báo cáo, tài liệu... gửi không đúng thời gian, không đúng,

đủ nội dung, không đúng mẫu theo quy định thì Thủ trưởng đơn vị đó chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, UBND tỉnh về kết quả tự đánh giá công tác PCTN năm 2024 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

7. Quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời trao đổi, phản ánh về Thanh tra tỉnh (*liên hệ trực tiếp bà Nguyễn Tố Trinh, số điện thoại: 0942.427.275*) để được hướng dẫn hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý kịp thời, theo quy định.

Giao Thanh tra tỉnh theo dõi, đôn đốc thực hiện văn bản này; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kịp thời theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, HCQT, TCD;
- Lưu: VT. NTTT



CHỦ TỊCH

Trần Quốc Nam

ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH NINH THUẬN
VĂN PHÒNG



Phụ lục 1

**PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CẤP TỈNH NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số: 22 /BC-VP ngày 07/3/2025 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh)

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	20		20	
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN	5		5	
A.1.1. Chỉ đạo thực hiện các văn bản năm 2024 của các cơ quan ở TW về PCTN	1		1	
A.1.1.1. Triển khai thực hiện Văn bản số 1031/VPCP-V.I ngày 28/3/2024, Văn bản số 3978/VPCP-V.I ngày 02/10/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	0,2	- Năm 2024, UBND cấp tỉnh có văn bản triển khai: 0,2 điểm - Không có văn bản triển khai: 0 điểm	0,2	
A.1.1.2. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030.	0,2	- Năm 2024, UBND cấp tỉnh có văn bản triển khai: 0,2 điểm - Không có văn bản triển khai: 0 điểm	0,2	
A.1.1.3. Triển khai thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 26/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.	0,2	- Năm 2024, UBND cấp tỉnh có văn bản triển khai: 0,2 điểm - Không có văn bản triển khai: 0 điểm	0,2	Tham mưu Đảng đoàn HĐND tỉnh ban hành Kế hoạch số 460-KH/ĐĐHĐND ngày 09/4/2024 của Đảng đoàn HĐND tỉnh về thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án
A.1.1.4. Triển khai thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và PCTNTC trong hoạt động kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Văn bản số 626/TTg-V.I ngày 16/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ.	0,2	- Năm 2024, UBND cấp tỉnh có văn bản triển khai: 0,2 điểm - Không có văn bản triển khai: 0 điểm	0,2	Tham mưu Đảng đoàn HĐND tỉnh ban hành Kế hoạch số 458-KH/ĐĐHĐND ngày 09/4/2024 của Đảng đoàn HĐND tỉnh về thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán

A.1.1.5. Triển khai thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác xây dựng pháp luật; Văn bản số 5779/NPCP-PL ngày 14/8/2024 của Văn phòng Chính phủ.	0,2	- Năm 2024, UBND cấp tỉnh có văn bản triển khai: 0,2 điểm - Không có văn bản triển khai: 0 điểm	0,2	
A.1.2. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2024	1	- UBND cấp tỉnh có ban hành kế hoạch PCTN năm 2024: 1,0 điểm Không ban hành kế hoạch: 0 điểm	1	Kế hoạch số 08/KH-VP ngày 19/01/2024 về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
A.1.3. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024	3		3	
A.1.2.1. Về thực hiện các văn bản của các cơ quan ở TW về PCTN	0,5	Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024: - Có nội dung triển khai thực hiện các văn bản của các cơ quan ở TW về PCTN: 0,5 điểm - Không có nội dung triển khai thực hiện các văn bản của các cơ quan ở TW về PCTN: 0 điểm	0,5	
A.1.2.2. Về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN	0,5	Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024: - Có nội dung kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: 0,5 điểm - Không có nội dung kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: 0 điểm	0,5	Không thuộc chức năng, nhiệm vụ
A.1.2.3. Về xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	0,5	Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024: - Có nội dung xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN: 0,5 điểm - Không có nội dung xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN: 0 điểm	0,5	
A.1.2.4. Về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN	0,5	Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024: - Có nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN: 0,5 điểm - Không có nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN: 0 điểm	0,5	Kế hoạch số 28/KH-VP ngày 24/5/2024 về kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024
A.1.2.5. Về kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN	0,5	Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024: - Có nội dung kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: 0,5 điểm - Không có nội dung kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: 0 điểm	0,5	Không thuộc chức năng, nhiệm vụ
A.1.2.6. Về kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN 2024	0,5	Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024: - Có nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN: 0,5 điểm - Không có nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN: 0 điểm	0,5	Kế hoạch số 26/KH-VP ngày 08/5/2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh về tự kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024
A.2. Đánh giá việc các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh năm 2024	15		15	
A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4		4	Không thuộc chức năng, nhiệm vụ

A.2.1.1. Ban hành kế hoạch	1	(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật về PCTN/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =.....	1	
A.2.1.2. Kết quả thực hiện	3	(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 3=.....	3	
A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4		4	
A.2.2.1. Ban hành kế hoạch	1	(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =.....	1	Kế hoạch số 28/KH-VP ngày 24/5/2024 về kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024
A.2.2.2. Kết quả thực hiện	3	(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện / Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 3=....	3	Báo cáo 153/BC-VP ngày 20/12/2024 về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và cải cách tư pháp năm 2024
A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện / Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)=....	1	
A.2.4. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo quy định của Luật Tiếp công dân. Theo quy định tại Khoản 5, Điều 12 Luật Tiếp công dân: “5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân cấp tỉnh ít nhất 01 ngày trong 01 tháng và thực hiện việc tiếp công dân đột xuất trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật này”.	2	(Số tháng tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh/12 tháng) x 2 =....	2	Không thuộc chức năng, nhiệm vụ
A.2.5. Tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện theo Luật Tiếp công dân Theo quy định tại Khoản 5, Điều 13 Luật Tiếp công dân: “5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân cấp huyện ít nhất 02 ngày trong 01 tháng và thực hiện việc tiếp công dân đột xuất trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật này”.	1,5	(Số lượng Chủ tịch UBND cấp huyện tiếp dân đầy đủ theo quy định tại Khoản 5, Điều 13 Luật Tiếp công dân/ Tổng số Chủ tịch UBND cấp huyện) x 1,5 =...	1,5	Không thuộc chức năng, nhiệm vụ
A.2.6. Tiếp công dân của Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Luật Tiếp công dân Theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Luật Tiếp công dân, Người đứng đầu Cơ quan: “2. Trực tiếp thực hiện việc	1,5	(Số lượng Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh tiếp dân đầy đủ theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Luật Tiếp công dân/ Tổng số Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh) x 1,5 =...	1,5	Không thuộc chức năng, nhiệm vụ

<i>tiếp công dân ít nhất 01 ngày trong 01 tháng tại địa điểm tiếp công dân của cơ quan mình”.</i>				
A.2.7. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng.	1	(Số vụ việc được Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng/ Tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng gửi tới Chủ tịch UBND cấp tỉnh) =....	1	Không thuộc chức năng, nhiệm vụ
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	30	CÁCH TÍNH ĐIỂM	30	
B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	26		26	Không thuộc chức năng, nhiệm vụ
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018 trong một số lĩnh vực:	6		6	
<i>B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính</i>	1	<i>(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 1=....</i>	1	
<i>B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn</i>	1	<i>(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 1=....</i>	1	- Quyết định số 01/QĐ-VP ngày 09/01/2024 về kiện toàn Tổ Kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; - Báo cáo số 136/BC-VP ngày 13/11/2024 về kết quả thực hiện công tác kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025.
<i>B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức</i>	1	<i>(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 1=....</i>	1	- Thông báo số 116/TB-HĐT ngày 04/12/2024 về kết quả thi Đề án, kỳ thi tuyển chức danh Phó Trưởng phòng Hành chính – Tổ chức – Quản trị, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; - Quyết định số 08/QĐ-VP ngày 07/02/2025 về bổ nhiệm Phó Trưởng phòng HC-TC-QT, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.
<i>B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách Nhà nước</i>	1	<i>(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 1=....</i>	1	- Quyết định số 02/QĐ-VP ngày 09/01/2024 về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của Văn phòng. - Quyết định số 19/QĐ-VP ngày 20/5/2024 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
<i>B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công</i>	1	<i>(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 1=....</i>	1	Báo cáo số 116/BC-VP ngày 21/2/2024 về kết quả thực hiện công tác quản lý và sử dụng tài sản công năm 2024
<i>B.1.1.6. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất</i>	1	<i>(Số lượng quận, huyện thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số quận, huyện thuộc UBND cấp tỉnh) x 1=....</i>	1	

B.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR năm 2024)	1	Quy đổi từ điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR index 2024). (Điểm PAR của UBND cấp tỉnh năm 2024)/100	1	107,021/100 điểm (Thông báo số 18/TB-UBND ngày 24/2/2025 của UBND tỉnh)
B.1.3. Kết quả thực hiện chuyên đổi số cấp tỉnh năm 2024	1	(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã báo cáo kết quả thực hiện chuyên đổi số năm 2024/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 1=....	1	
B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025	1	- UBND tỉnh ban hành kế hoạch hoặc văn bản lồng ghép các nội dung thực hiện: 0,5 điểm. - UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 0,5 điểm	1	
B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CD, TC)	2		2	- Quyết định 02/QĐ-VP ngày 25/01/2024 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Ninh Thuận - Quyết định số 81/QĐ-VP ngày 31/12/2024 về việc định Ban hành Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
<i>B.1.5.1. Việc ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC trong nội bộ</i>	1	<i>(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC trong nội bộ/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =</i>	1	
<i>B.1.5.2. Kết quả thực hiện kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC trong nội bộ</i>	1	<i>(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC trong nội bộ/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =</i>	1	Báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân cơ quan ngày 18/12/2024 tại Hội nghị cán bộ, công chức năm 2025
B.1.6. Kết quả thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)	3		3	
<i>B.1.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện rà soát XDLI trong nội bộ</i>	1	<i>(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành văn bản triển khai thực hiện rà soát XDLI trong nội bộ/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =</i>	1	Kế hoạch số 27/KH-VP ngày 04/10/2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh về thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích năm 2024
<i>B.1.6.2. Kết quả thực hiện rà soát XDLI trong nội bộ</i>	1	<i>(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo kết quả rà soát XDLI trong nội bộ/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =</i>	1	Không phát sinh
<i>B.1.6.3. Kết quả giải quyết XDLI của cả tỉnh</i>	1	- Giải quyết 1 vụ: Được tính 0,2 điểm - Giải quyết 2 vụ: Được tính 0,4 điểm - Giải quyết 3 vụ: Được tính 0,6 điểm - Giải quyết 4 vụ: Được tính 0,8 điểm - Giải quyết trên 5 vụ: Được tính 1,0 điểm	1	
B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	2		2	

B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch	1	(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =....	1	Kế hoạch số 27/KH-VP ngày 08/5/2024 về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức năm 2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
B.1.7.2. Kết quả thực hiện	1	(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =....	1	
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1	(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo việc thực hiện quy tắc ứng xử/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =....	1	- Quyết định số 57/QĐ-VP ngày 29/10/2024 về ban hành quy chế văn hóa công vụ; - Quyết định số 60/QĐ-VP ngày 31/10/2024 về ban hành Quy chế dân chủ của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
B.1.9. Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5		5	
B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	1	(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =....	1	Kế hoạch số 41/KH-VP ngày 13/12/2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh về tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2024
B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	1	(Số lượng Sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh hoàn thành kê khai, công khai bản kê khai TSTN đúng quy định/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)=....	1	Báo cáo số 156/BC-VP ngày 31/12/2024 về kết quả thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN năm 2024	1	- UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN năm 2024: 0,5 điểm - Thanh tra cấp tỉnh ban hành kế hoạch xác minh TSTN năm 2024: 0,5 điểm	1	
B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN năm 2024	2	(Số người được xác minh TSTN năm 2024 đã có kết luận/ Tổng số người được xác minh TSTN năm 2024) x 2,0 =....	1	
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP Về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10)	5		5	
B.1.10.1. Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 10	1	- Năm 2024, UBND tỉnh ban hành kế hoạch hoặc văn bản chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 10: 1 điểm - Không có kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện: 0 điểm	1	Kế hoạch số 17/KH-VP ngày 23/2/2024 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ
B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc	1	(Số vụ việc kiến nghị, phản ánh đã được xử lý/ Tổng số vụ việc kiến nghị, phản ánh đã tiếp nhận) =.... Không có trường hợp xử lý: 0 điểm	1	
B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10	3	(Số người đã xử lý vi phạm Chỉ thị 10/ Tổng số người vi phạm) x 3 =.... Không có trường hợp xử lý: 0 điểm	3	

B.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước tại địa phương	3	Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước tại địa phương gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) tổ chức tín dụng và (3) tổ chức XH do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh.	3	
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đơn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	1	- Năm 2024, UBND cấp tỉnh có văn bản hướng dẫn, đơn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện: 1,0 điểm - Không có văn bản hướng dẫn, đơn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả: 0 điểm	1	
B.2.2. Kết quả thực hiện pháp luật PCTN của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.	2	(Số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước có văn bản báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong nội bộ/ Tổng số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước) x 2,0 =	2	
C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	40	CÁCH TÍNH ĐIỂM	40	
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	12		12	
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, giám sát, thanh tra.	3	(Số cuộc kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện) + (Số cuộc giám sát phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số cuộc giám sát thực hiện) + (Số cuộc thanh tra phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số cuộc thanh tra thực hiện) =....	3	
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo.	2	(Số vụ việc giải quyết tin phản ánh phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số tin phản ánh trong toàn tỉnh) + (Số vụ việc giải quyết đơn tố cáo phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số đơn tố cáo trong toàn tỉnh) =....	2	
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra năm 2024	7	(Số vụ án tham nhũng được khởi tố điều tra/ Tổng số vụ việc tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị điều tra tham nhũng) x 7 =...	7	
C.2. Việc xử lý tham nhũng	20		20	
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do đề xảy ra tham nhũng	5		5	
<i>C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do đề xảy ra tham nhũng.</i>	2,5	<i>(Số tổ chức đã xử lý kỷ luật do đề xảy ra tham nhũng/ Tổng số tổ chức đề xảy ra tham nhũng) x 2,5 =....</i>	2,5	
<i>C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng</i>	2,5	<i>(Số người có hành vi tham nhũng đã xử lý kỷ luật hành chính/ Tổng số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện) x 2,5=...</i>	2,5	
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7,5		7,5	
<i>C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra</i>	2,5	<i>(Số người cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng/ Tổng số người bị cơ quan điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan tham nhũng) x 2,5=</i>	2,5	

C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố	2,5	(Số người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng/ Tổng số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng) x 2,5=....	2,5	
C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử	2,5	(Số người do Tòa án kết án tội phạm tham nhũng/ Tổng số người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng) x 2,5=....	2,5	
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7,5		7,5	
C.2.3.1. Hình thức khiển trách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm)	2,5	(Số cơ quan đã xử lý khiển trách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng trên địa bàn) x 2,5 = ... Không có trường hợp xử lý: 0 điểm.	2,5	
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm)	2,5	(Số cơ quan đã xử lý cảnh cáo Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng trên địa bàn) x 2,5=... Không có trường hợp xử lý: 0 điểm	2,5	
C.2.3.3. Hình thức cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)	2,5	(Số cơ quan đã xử lý cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn) x 2,5=.... Không có trường hợp xử lý: 0 điểm.	2,5	
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	8		8	
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) =.... Không có trường hợp xử lý: 0 điểm	1	
-C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) =.... Không có trường hợp xử lý: 0 điểm	1	
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) =.... Không có trường hợp xử lý: 0 điểm	1	
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) =.... Không có trường hợp xử lý: 0 điểm	1	
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) =.... Không có trường hợp xử lý: 0 điểm	1	

C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) =.... Không có trường hợp xử lý: 0 điểm	1	
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) =.... Không có trường hợp xử lý: 0 điểm	1	
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) =.... Không có trường hợp xử lý: 0 điểm	1	
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHŨNG	10	CÁCH TÍNH ĐIỂM	10	
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	5		5	
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	3	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra) x 3 =....	3	
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh) x 2 =....	2	
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	5		5	
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2,5	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác điều tra, truy tố, xét xử) x 2,5 =....	2,5	
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2,5	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác thi hành án/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi theo bản án) x 2,5 =....	2,5	
Đ. TRỪ ĐIỂM CÔNG TÁC PCTN 2024	-10		40	
TĐ.1. Việc chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN năm 2024	- 2	UBND cấp tỉnh chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN và tài liệu minh chứng: - Nộp Báo cáo tự đánh giá nhưng chậm nộp tài liệu minh chứng: - 1,0 điểm - Chậm nộp Báo cáo tự đánh giá và tài liệu minh chứng : - 2,0 điểm	-	
TĐ.2. Năm 2024, Tổ chức cấp tỉnh bị xử lý kỷ luật do tham nhũng, tiêu cực	- 4	Năm 2024, Tổ chức đảng cấp tỉnh (Ban thường vụ tỉnh ủy, Ban cán sự đảng UBND tỉnh) bị xử lý kỷ luật do tham nhũng, tiêu cực: - Mức cảnh cáo: - 4,0 điểm - Mức khiển trách: - 3,0 điểm <i>(Tỉnh có Tổ chức bị xử lý kỷ luật ở các mức khác nhau, thì trừ điểm ở mức cao nhất).</i>	-	
TĐ.3. Năm 2024, Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh bị xử lý do tham nhũng, tiêu cực	- 4	Năm 2024, Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh (bí thư, phó bí thư; chủ tịch, phó chủ tịch) bị xử lý do tham nhũng, tiêu cực:	-	

		<p>- Mức 1: Có trường hợp bị xử lý hình sự hoặc khai trừ: -4,0 điểm</p> <p>- Mức 2: Có trường hợp bị xử lý cách chức: -3,0 điểm</p> <p>- Mức 3: Có trường hợp bị xử lý cảnh cáo: -2,0 điểm</p> <p>- Mức 4: Có trường hợp bị xử lý khiển trách: -1,0 điểm</p> <p><i>(Tính có nhiều trường hợp bị xử lý ở các mức khác nhau, thì trừ điểm ở mức cao nhất).</i></p>		
--	--	--	--	--



Phụ lục 3. TỔNG HỢP ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 22 /BC-VP ngày 07/3/2025 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh)

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
TỔNG ĐIỂM (A+B+C+D)	100	50	
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	20	20	
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN:	5	5	
A.1.1. Triển khai thực hiện các văn bản năm 2024 của các cơ quan ở TW về PCTN	1	1	
A.1.1.1. Triển khai thực hiện Văn bản số 1031/VPCP-V.I ngày 28/3/2024, Văn bản số 3978/VPCP-V.I ngày 02/10/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	0,2	0,2	
A.1.1.2. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030.	0,2	0,2	
A.1.1.3. Triển khai thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 26/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.	0,2	0,2	
A.1.1.4. Triển khai thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và PCTNTC trong hoạt động kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Văn bản số 626/TTg-V.I ngày 16/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ	0,2	0,2	
A.1.1.5. Triển khai thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác xây dựng pháp luật; Văn bản số 5779/VPCP-PL ngày 14/8/2024 của Văn phòng Chính phủ	0,2	0,2	
A.1.2. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2024	1	1	
A.1.3. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024	3	3	
A.1.3.1. Về thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của TW về PCTN	0,5	0,5	
A.1.3.2. Về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN	0,5	0,5	
A.1.3.3. Về xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	0,5	0,5	
A.1.3.4. Về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN	0,5	0,5	
A.1.3.5. Về kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN	0,5	0,5	
A.1.3.6. Về kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN năm 2024	0,5	0,5	
A.2. Đánh giá việc các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh	15	15	
A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4	4	
A.2.1.1. Ban hành kế hoạch	1	1	
A.2.1.2. Kết quả thực hiện	3	3	
A.2.3. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4	4	
A.2.2.1. Ban hành kế hoạch	1	1	

A.2.2.2. Kết quả thực hiện	3	3	
A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	1	
A.2.4. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	2	2	
A.2.5. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện	1,5	1,5	
A.2.6. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp Tỉnh	1,5	1,5	
A.2.7. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng.	1	1	
B. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	30	30	
B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	27	27	
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018 trong một số lĩnh vực	6	6	
B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính	1	1	
B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn	1	1	
B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1	1	
B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách Nhà nước	1	1	
B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công	1	1	
B.1.1.6. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất	1	1	
B.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR 2024)	1	1	
B.1.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2024	1	1	
B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	1	1	
B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	2	2	
B.1.5.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	1	1	
B.1.5.2. Kết quả thực hiện	1	1	
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)	3	3	
B.1.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	1	1	
B.1.6.2. Kết quả thực hiện	1	1	
B.1.6.3. Kết quả giải quyết XĐLI	1	1	
B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC	2	2	
B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch	1	1	
B.1.7.2. Kết quả thực hiện	1	1	
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1	1	
B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5	5	
B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	1	1	
B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	1	1	
B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN	1	1	
B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN	2	2	
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP	5	5	
B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện <i>Chỉ thị 10</i>	1	1	
B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh....	1	1	
B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10	3	3	
B.2. Phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	3	3	
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng đ	1	1	

B.2.2. Kết quả thực hiện pháp luật PCTN của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	2	2	
C. ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	40	40	
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	12	12	
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát	3	3	
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	2	2	
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	7	7	
C.2. Việc xử lý tham nhũng	20	20	
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN	5	5	
C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.	2,5	2,5	
C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi TN	2,5	2,5	
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7,5	7,5	
C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra	2,5	2,5	
C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố	2,5	2,5	
C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử	2,5	2,5	
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của v	7,5	7,5	
C.2.3.1. Hình thức khiển trách	2,5	2,5	
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo	2,5	2,5	
C.2.3.3. Hình thức cách chức	2,5	2,5	
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	8	8	
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81, Nghị định	1	1	
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	1	
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83, Nghị định 59	1	1	
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	1	
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác (Khoản 2 - Điều 94 Luật PCTN)	1	1	
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	1	
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1	1	
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1	1	
D. ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG	10	10	
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	5	5	
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	3	3	
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2	2	
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	5	5	
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2,5	2,5	
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2,5	2,5	
Đ. TRỪ ĐIỂM CÔNG TÁC PCTN NĂM 2024	-10	-	
ĐĐ.1. Việc chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN năm 2024	-2	-	
ĐĐ.2. Năm 2024, Tổ chức cấp tỉnh bị kỷ luật do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực	-4	-	
ĐĐ.3. Năm 2024, Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh bị xử lý do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực.	-4	-	



PHỤ LỤC 4

**TỔNG HỢP DANH MỤC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG CỦA UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)....
PHỤ LỤC VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số: 22 /BC-VP ngày 07/3/2025 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh)

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	UBND cấp tỉnh liệt kê tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN:	
A.1.1. Triển khai thực hiện các văn bản năm 2024 của các cơ quan ở TW về PCTN	
A.1.1.1. Triển khai thực hiện Văn bản số 1031/VPCP-V.I ngày 28/3/2024, Văn bản số 3978/VPCP-V.I ngày 02/10/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	
A.1.1.2. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030.	
A.1.1.3. Triển khai thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 26/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.	Tham mưu Đảng đoàn HĐND tỉnh ban hành Kế hoạch số 460-KH/ĐĐHĐND ngày 09/4/2024 của Đảng đoàn HĐND tỉnh về thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án
A.1.1.4. Triển khai thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và PCTNTC trong hoạt động kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Văn bản số 626/TTg-V.I ngày 16/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ	Tham mưu Đảng đoàn HĐND tỉnh ban hành Kế hoạch số 458-KH/ĐĐHĐND ngày 09/4/2024 của Đảng đoàn HĐND tỉnh về thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán
A.1.1.5. Triển khai thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác xây dựng pháp luật; Văn bản số 5779/VPCP-PL ngày 14/8/2024 của Văn phòng Chính phủ	-
A.1.2. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2024	Kế hoạch số 08/KH-VP ngày 19/01/2024 thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
A.1.3. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024	
A.1.3.1. Về thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của TW về PCTN	
A.1.3.2. Về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN	
A.1.3.3. Về xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	
A.1.3.4. Về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN	
A.1.3.5. Về kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN	
	Báo cáo 153/BC-VP ngày 20/12/2024 về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và cải cách tư pháp năm 2024

	Báo cáo số 132/BC-VP ngày 08/11/2024 về kết quả tự kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Văn phòng năm 2024
<i>A.1.3.6. Về kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN năm 2024</i>	
A.2. Đánh giá việc các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh	
A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	Không phát sinh
<i>A.2.1.1. Ban hành kế hoạch</i>	
<i>A.2.1.2. Kết quả thực hiện</i>	
A.2.3. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	
<i>A.2.2.1. Ban hành kế hoạch</i>	Kế hoạch số 28/KH-VP ngày 24/5/2024 về tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024
<i>A.2.2.2. Kết quả thực hiện</i>	Báo cáo số 157/BC-VP ngày 31/12/2024 về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực phục vụ xây dựng báo cáo định kỳ của Ban cán sự đảng Chính phủ
A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	Không phát sinh
A.2.4. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Không phát sinh
A.2.5. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện	Không phát sinh
A.2.6. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp Tỉnh	Không phát sinh
A.2.7. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng.	Không phát sinh
B. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	
B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018 trong một số lĩnh vực	
<i>B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính</i>	Không phát sinh
<i>B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn</i>	Báo cáo số 136/BC-VP ngày 13/11/2024 về kết quả thực hiện công tác kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2024
<i>B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức</i>	Thông báo số 116/TB-HĐT ngày 04/12/2024 về kết quả thi Đề án, kỳ thi tuyển chức danh Phó Trưởng phòng Hành chính – Tổ chức – Quản trị Quyết định số 08/QĐ-VP ngày 07/02/2025 về bổ nhiệm Phó Trưởng phòng HC-TC-QT, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
<i>B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách Nhà nước</i>	Quyết định số 19/QĐ-VP ngày 20/5/2024 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
<i>B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công</i>	Báo cáo số 116/BC-VP ngày 21/2/2024 về kết quả thực hiện công tác quản lý và sử dụng tài sản công năm 2024
<i>B.1.1.6. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất</i>	

B.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR 2024)	Thông báo số 18/TB-UBND ngày 24/2/2025 của UBND tỉnh về kết quả thẩm định, đánh giá, phân loại thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024 đối với các sở, ban, ngành, huyện, thành phố
B.1.3. Kết quả thực hiện chuyên đổi số cấp tỉnh năm 2024	
B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	
B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	Quyết định 02/QĐ-VP ngày 25/01/2024 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Ninh Thuận
B.1.5.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	
B.1.5.2. Kết quả thực hiện	
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)	
B.1.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	Kế hoạch số 27/KH-VP ngày 04/10/2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh về thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích năm 2024
B.1.6.2. Kết quả thực hiện	Không phát sinh
B.1.6.3. Kết quả giải quyết XDLI	
B.1.7. Kết quả thực hiện chuyên đổi vị trí công tác của CB, CC, VC	
B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch	Kế hoạch số 27/KH-VP ngày 08/5/2024 về định kỳ chuyên đổi vị trí công tác đối với công chức năm 2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
B.1.7.2. Kết quả thực hiện	Không phát sinh
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	- Quyết định số 57/QĐ-VP ngày 29/10/2024 về ban hành quy chế văn hóa công vụ - Quyết định số 60/QĐ-VP ngày 31/10/2024 về ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở
B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	
B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	Kế hoạch số 41/KH-VP ngày 13/12/2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh về tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2024
B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	Báo cáo số 156/BC-VP ngày 31/12/2024 về kết quả thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN	-
B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN	-
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP	-
B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10	Kế hoạch số 17/KH-VP ngày 23/2/2024 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ
B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh....	-
B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10	Không phát sinh
B.2. Phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	Không phát sinh

B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đơn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	-
B.2.2. Kết quả thực hiện pháp luật PCTN của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	-
C. ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	Không phát sinh
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	-
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát	-
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	-
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	-
C.2. Việc xử lý tham nhũng	Không phát sinh
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN	-
C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.	-
C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi TN	-
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	-
C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra	-
C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố	-
C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử	-
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	-
C.2.3.1. Hình thức khiển trách	-
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo	-
C.2.3.3. Hình thức cách chức	-
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	Không phát sinh
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	-
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	-
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	-
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	-
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác (Khoản 2 - Điều 94 Luật PCTN)	-
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	-
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	-
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	-
D. ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG	Không phát sinh
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	-
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	-
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	-
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	-
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	-
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	-
Đ. TRỪ ĐIỂM CÔNG TÁC PCTN NĂM 2024	Không phát sinh
ĐĐ.2. Năm 2024, Tổ chức cấp tỉnh bị kỷ luật do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực	-
ĐĐ.3. Năm 2024, Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh bị xử lý do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực.	-

|

|

ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH NINH THUẬN
VĂN PHÒNG



Phụ lục 5

**DANH MỤC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG CỦA SỞ, BAN, NGÀNH, HUYỆN
PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2024**
(Kèm theo Báo cáo số: 22 /BC-VP ngày 07/3/2025 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh)

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÀI LIỆU MINH CHỨNG VIỆC THỰC HIỆN (Ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái)	SỐ LIỆU MINH CHỨNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
A.2. Đánh giá việc các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh		
A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	-	
A.2.1.1. Ban hành kế hoạch	Kế hoạch số 08/KH-VP ngày 19/01/2024 thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024	Kế hoạch số 08/KH-VP ngày 19/01/2024
A.2.1.2. Kết quả thực hiện	-	
A.2.3. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	Kế hoạch số 28/KH-VP ngày 24/5/2024 về tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024	Kế hoạch số 28/KH-VP ngày 24/5/2024
A.2.2.1. Ban hành kế hoạch		
A.2.2.2. Kết quả thực hiện	- Báo cáo 153/BC-VP ngày 20/12/2024 về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và cải cách tư pháp năm 2024 - Báo cáo số 157/BC-VP ngày 31/12/2024 về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực phục vụ xây dựng báo cáo định kỳ của Ban cán sự đảng Chính phủ	- Báo cáo 153/BC-VP ngày 20/12/2024 - Báo cáo số 157/BC-VP ngày 31/12/2024
A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		

A.2.5. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện	Không thuộc chức năng, nhiệm vụ	
A.2.6. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp Tỉnh	Không thuộc chức năng, nhiệm vụ	
B. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước		
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018 trong một số lĩnh vực		
<i>B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính</i>		
<i>B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 01/QĐ-VP ngày 09/01/2024 về kiện toàn Tổ Kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh - Thông báo số 23/TB-VP ngày 01/3/2024 về kết quả xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân của Văn phòng quý I năm 2024 - Quyết định số 20/QĐ-VP ngày 23/5/2024 về quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, người lao động Văn phòng - Thông báo số 59/TB-VP ngày 31/5/2024 về kết quả xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân của Văn phòng quý II năm 2024 - Báo cáo số 29/BC-VP ngày 15/3/2024 về tình hình thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực quý I và nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2024. - Báo cáo số 69/BC-VP ngày 17/6/2024 về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 6 tháng đầu năm 2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh - Báo cáo số 70/BC-VP ngày 17/6/2024 về tình hình thực hiện công tác kỷ luật, kỷ cương hành chính 6 tháng đầu năm 2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh - Thông báo số 83/TB-VP ngày 30/8/2024 về kết quả xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân của Văn phòng quý III năm 2024 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 01/QĐ-VP ngày 09/01/2024 - Thông báo số 23/TB-VP ngày 01/3/2024 - Quyết định số 20/QĐ-VP ngày 23/5/2024 - Thông báo số 59/TB-VP ngày 31/5/2024 - Báo cáo số 29/BC-VP ngày 15/3/2024 - Báo cáo số 69/BC-VP ngày 17/6/2024 - Báo cáo số 70/BC-VP ngày 17/6/2024 - Thông báo số 83/TB-VP ngày 30/8/2024

	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo số 110/BC-VP ngày 20/9/2024 về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 9 tháng và nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2024 - Báo cáo số 136/BC-VP ngày 13/11/2024 về kết quả thực hiện công tác kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 - Thông báo số 110/TB-VP ngày 28/11/2024 về kết quả xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân của Văn phòng quý IV năm 2024 - Báo cáo số 132/BC-VP ngày 08/11/2024 về kết quả tự kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Văn phòng năm 2024 - Thông báo số 115/TB-VP ngày 02/12/2024 về kết quả đánh giá xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân của Văn phòng năm 2024 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo số 110/BC-VP ngày 20/9/2024 - Báo cáo số 136/BC-VP ngày 13/11/2024 - Thông báo số 110/TB-VP ngày 28/11/2024 - Báo cáo số 132/BC-VP ngày 08/11/2024 - Thông báo số 115/TB-VP ngày 02/12/2024
<p><i>B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo số 116/TB-HĐT ngày 04/12/2024 về kết quả thi Đề án, kỳ thi tuyển chức danh Phó Trưởng phòng Hành chính – TC-QT; - Quyết định số 08/QĐ-VP ngày 07/02/2025 về bổ nhiệm Phó Trưởng phòng HC-TC-QT, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo số 116/TB-HĐT ngày 04/12/2024 - Quyết định số 08/QĐ-VP ngày 07/02/2025
<p><i>B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách Nhà nước</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 02/QĐ-VP ngày 09/01/2024 về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của Văn phòng, - Công văn số 143/VP-HC ngày 19/4/2024 về báo cáo tình hình đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh - Quyết định số 19/QĐ-VP ngày 20/5/2024 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh - Quyết định số 29/QĐ-VP ngày 28/6/2024 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh - Công văn số 299/VP-HC ngày 15/7/2024 về báo cáo tình hình đánh giá thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý II năm 2024 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 02/QĐ-VP ngày 09/01/2024 - Công văn số 143/VP-HC ngày 19/4/2024 - Quyết định số 19/QĐ-VP ngày 20/5/2024 - Quyết định số 29/QĐ-VP ngày 28/6/2024 - Công văn số 299/VP-HC ngày 15/7/2024

<p><i>B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo số 55/BC-VP ngày 23/5/2024 về tình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2024; - Quyết định số 61/QĐ-VP ngày 01/11/2024 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03: Chinh lý tài liệu lưu trữ tồn đọng giai đoạn 2011-2020; - Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh về lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm Xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh - Quyết định số 65/QĐ-VP ngày 22/11/2024 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung thuộc dự toán mua sắm: Xe ô tô phục vụ công tác chung - Báo cáo số 116/BC-VP ngày 21/2/2024 về kết quả thực hiện công tác quản lý và sử dụng tài sản công năm 2024 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo số 55/BC-VP ngày 23/5/2024 - Quyết định số 61/QĐ-VP ngày 01/11/2024 - Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 - Quyết định số 65/QĐ-VP ngày 22/11/2024 - Báo cáo số 116/BC-VP ngày 21/2/2024
<p><i>B.1.1.6. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất</i></p>	<p style="text-align: center;">-</p>	
<p>B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 02/QĐ-VP ngày 25/01/2024 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Ninh Thuận - Quyết định số 81/QĐ-VP ngày 31/12/2024 về việc định Ban hành Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 02/QĐ-VP ngày 25/01/2024 - Quyết định số 81/QĐ-VP ngày 31/12/2024
<p><i>B.1.5.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện</i></p>		
<p><i>B.1.5.2. Kết quả thực hiện</i></p>		
<p>B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)</p>		
<p><i>B.1.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện</i></p>	<p>Kế hoạch số 27/KH-VP ngày 04/10/2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh về thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích năm 2024</p>	<p>Kế hoạch số 27/KH-VP ngày 04/10/2024</p>
<p><i>B.1.6.2. Kết quả thực hiện</i></p>		
<p><i>B.1.6.3. Kết quả giải quyết XDLI</i></p>	<p>Không có</p>	
<p>B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC</p>		
<p><i>B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch</i></p>	<p>Kế hoạch số 27/KH-VP ngày 08/5/2024 về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công</p>	<p>Kế hoạch số 27/KH-VP ngày 08/5/2024</p>

	chức năm 2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	
<i>B.1.7.2. Kết quả thực hiện</i>	Không phát sinh	
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	- Quyết định số 57/QĐ-VP ngày 29/10/2024 về ban hành quy chế văn hóa công vụ; - Quyết định số 60/QĐ-VP ngày 31/10/2024 về ban hành Quy chế dân chủ của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.	- <u>Quyết định số 57/QĐ-VP ngày 29/10/2024</u> - <u>Quyết định số 60/QĐ-VP ngày 31/10/2024</u>
B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)		
<i>B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.</i>	Kế hoạch số 41/KH-VP ngày 13/12/2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh về tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2024	Kế hoạch số 41/KH-VP ngày 13/12/2024
<i>B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN</i>	Báo cáo số 156/BC-VP ngày 31/12/2024 về kết quả thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2024 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Báo cáo số 156/BC-VP ngày 31/12/2024
<i>B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN</i>	-	
<i>B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN</i>	-	
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP	-	
<i>B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10</i>	Kế hoạch số 17/KH-VP ngày 23/2/2024 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch số 17/KH-VP ngày 23/2/2024
<i>B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh....</i>		
<i>B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10</i>		
C. ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	Không phát sinh	
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	=	
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát	=	
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	=	
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra	=	
C.2. Việc xử lý tham nhũng	-	
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN	-	
<i>C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.</i>	-	
<i>C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi TN</i>	-	
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	-	
<i>C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra</i>	-	
<i>C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố</i>	-	

C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử	-	
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	-	
C.2.3.1. Hình thức khiển trách	-	
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo	-	
C.2.3.3. Hình thức cách chức	-	
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	Không phát sinh	
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	-	
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	-	
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	-	
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	-	
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác (Khoản 2 - Điều 94 Luật PCTN)	-	
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	-	
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)		
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	-	
D. ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHƯNG	Không phát sinh	
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	-	
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	-	
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	-	
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	-	
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	-	
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	-	